

Số: 1415 /QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày 22 tháng 6 năm 2012

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Chương trình hành động của Bộ Khoa học và Công nghệ  
thực hiện Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 07/3/2012 của Chính phủ ban hành  
Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2011 - 2016**

**BỘ TRƯỞNG  
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Căn cứ Nghị định số 28/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 07/3/2012 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2011-2016;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động của Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 07/3/2012 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2011-2016.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (để phối hợp);
- Lưu: VT, PC, VP.

**BỘ TRƯỞNG**  
  
**Nguyễn Quân**



**CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**Triển khai thực hiện Nghị quyết 06/NQ-CP ngày 07/3/2012 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2011-2016**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1415/QĐ-BKH-CN ngày 22/6/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

Chương trình hành động của Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện Nghị quyết 06/NQ-CP ngày 07/3/2012 của Chính phủ được xây dựng trên cơ sở xác định rõ các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu cần tập trung chỉ đạo triển khai nhằm thực hiện định hướng của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011-2020, Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2011-2016 cũng như các nội dung đã đề ra trong Phương hướng, mục tiêu nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) chủ yếu giai đoạn 2011-2015 và Chiến lược Phát triển KH&CN giai đoạn 2011-2020. Chương trình hành động của Bộ Khoa học và Công nghệ tập trung vào các nội dung chủ yếu sau:

## **I. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

### **1. Hoàn thiện hành lang pháp lý và chính sách về KH&CN nhằm đổi mới cơ bản, toàn diện và đồng bộ tổ chức, cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động KH&CN**

a) Hoàn thành, trình phê duyệt và tổ chức thực hiện Đề án Đổi mới cơ bản, toàn diện và đồng bộ tổ chức, cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động KH&CN tạo chuyển biến cơ bản về chất lượng, hiệu quả hoạt động KH&CN, góp phần đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm và của nền kinh tế, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế.

b) Hoàn thiện hành lang pháp lý về KH&CN tạo sự đồng bộ, thống nhất giữa hệ thống pháp luật chuyên ngành với các lĩnh vực khác có liên quan, bảo đảm thực hiện các chủ trương đổi mới hoạt động KH&CN của Đảng, Chính phủ trong giai đoạn đến năm 2015.

Xây dựng Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XI) về phát triển KH&CN trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Xây dựng trình Chính phủ, Quốc hội thông qua Luật KH&CN sửa đổi, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử và Luật sửa

đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ, Luật sử dụng khoáng không vũ trụ.

Tham gia nghiên cứu, đóng góp ý kiến trong quá trình sửa đổi các Luật Ngân sách nhà nước, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Đất đai, Luật Thương mại,...

Xây dựng kế hoạch soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật về KH&CN hàng năm, trong đó, tập trung hoàn thành các văn bản liên quan đến việc lập kế hoạch và quản lý các Chương trình quốc gia và nhiệm vụ KH&CN cấp nhà nước; cơ chế tài chính cho hoạt động KH&CN; cơ chế, chính sách đối với cán bộ KH&CN, tổ chức KH&CN khi thực hiện chuyển đổi theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm (xử lý tài sản; định giá tài sản trí tuệ; góp vốn bằng tài sản trí tuệ;...); chính sách nhập khẩu công nghệ; phát triển các tổ chức dịch vụ KH&CN và các vấn đề phục vụ phát triển điện hạt nhân ở Việt Nam.

d) Tổ chức phổ biến, quán triệt, triển khai và đánh giá định kỳ kết quả thực hiện Chiến lược phát triển KH&CN Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và Phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ KH&CN chủ yếu giai đoạn 2011-2015.

## **2. Tăng cường tiềm lực KH&CN quốc gia**

a) Sử dụng có hiệu quả nguồn đầu tư 2% tổng chi ngân sách nhà nước hàng năm cho KH&CN. Từng bước đổi mới phương thức đầu tư và cơ chế tài chính cho hoạt động KH&CN. Thống nhất với các Bộ, ngành, địa phương cơ chế phối hợp để đầu tư có trọng tâm, trọng điểm cho phát triển KH&CN; nghiên cứu thực hiện cơ chế khoán đến sản phẩm cuối cùng; cơ chế đặt hàng nghiên cứu và cơ chế mua sản phẩm KH&CN; nghiên cứu đề xuất phương thức điều tiết ngân sách nhà nước dành cho KH&CN hàng năm.

Đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư từ xã hội cho KH&CN. Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới và phát triển công nghệ. Tranh thủ các nguồn tài trợ, vốn ODA, FDI và các nguồn vốn khác; đẩy mạnh hợp tác quốc tế về KH&CN theo Nghị định thư để tăng nguồn vốn hỗ trợ của nước ngoài cho các hoạt động KH&CN.

Đẩy mạnh hiệu quả hoạt động của Quỹ Phát triển KH&CN Quốc gia. Thành lập và đưa vào vận hành Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia. Xúc tiến xây dựng Quỹ đầu tư mạo hiểm công nghệ cao. Có cơ chế huy động các nguồn đầu tư từ xã hội cho hoạt động KH&CN; nghiên cứu cơ chế bảo đảm trích lập Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp hoặc Quỹ phát triển KH&CN của địa phương.

b) Tái cấu trúc hệ thống tổ chức KH&CN công lập. Xây dựng Đề án về hình thành một số đơn vị nghiên cứu cơ bản trong các trường đại học; đề án phát triển hệ thống tổ chức KH&CN mạnh, trung tâm xuất sắc có cơ sở vật chất, thiết bị hiện đại và năng lực nghiên cứu trình độ cao.

Tiếp tục đầu tư xây dựng các khu công nghệ cao; tập trung nguồn lực phát triển Khu Nghiên cứu - Triển khai thuộc Khu Công nghệ cao Hòa Lạc; xây dựng và trình ban hành cơ chế ưu đãi đặc biệt áp dụng tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc. Hình thành các trung tâm ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN trong các trường đại học, viện nghiên cứu, khu công nghệ cao. Đầu tư đồng bộ, nâng cao hiệu quả hoạt động của các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia.

Tổ chức thực hiện Chương trình đầu tư tăng cường năng lực đo lường, thử nghiệm, ứng dụng và chuyển giao công nghệ ở địa phương. Đầu tư xây dựng Trung tâm Thông tin KH&CN khu vực phía Nam (tại TP. Hồ Chí Minh) và Trung tâm Thông tin khoa học và giao dịch công nghệ quốc gia (tại Hà Nội).

c) Đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực KH&CN. Xây dựng chính sách đào tạo, thu hút, trọng dụng, đãi ngộ cán bộ KH&CN. Triển khai chương trình đào tạo theo ê-kíp ở trong nước và nước ngoài. Xây dựng tiêu chuẩn và bổ sung chức vụ kỹ sư trưởng và tổng công trình sư, chuyên gia cao cấp vào hệ thống chức danh KH&CN. Nghiên cứu đề xuất các hình thức vinh danh xứng đáng đối với nhà KH&CN tiêu biểu.

Xây dựng và triển khai Chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý KH&CN của lực lượng cán bộ quản lý KH&CN ở các cấp; hình thành Học viện quốc gia về quản lý KH&CN để đào tạo cán bộ quản lý khoa học theo tiêu chuẩn quốc tế và phù hợp với thực tiễn trong nước. Triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo cán bộ KH&CN trong các hướng, lĩnh vực KH&CN ưu tiên.

Thành lập và hoàn thiện cơ chế sử dụng Quỹ chuyên gia KH&CN trình độ cao nhằm nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu và thúc đẩy hoạt động đánh giá khoa học và định giá công nghệ, định giá tài sản trí tuệ.

d) Đẩy mạnh phát triển Mạng thông tin KH&CN Việt Nam (VISTA), mở rộng kết nối Mạng nghiên cứu và đào tạo Việt Nam (VinaREN) tới 100% các viện nghiên cứu, các phòng thí nghiệm trọng điểm, các trường đại học, các bệnh viện lớn, các trung tâm thông tin - thư viện đầu mối.

### **3. Nâng cao hiệu quả hoạt động KH&CN các cấp; đẩy mạnh ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học, đổi mới và chuyển giao công nghệ**

a) Đổi mới phương thức xây dựng, tổ chức và quản lý các Chương trình KH&CN trọng điểm cấp nhà nước, cũng như các nhiệm vụ nghiên cứu triển khai cấp bộ và cơ sở; nâng cao hiệu quả hoạt động nghiên cứu, tăng tỷ lệ các dự án sản xuất thử nghiệm và huy động tiềm lực của doanh nghiệp để thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu, đưa nhanh kết quả nghiên cứu vào sản xuất kinh doanh.

Rà soát, lồng ghép các nhiệm vụ thuộc chương trình, đề án KH&CN đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt với việc sắp xếp, tổ chức lại các chương trình KH&CN trọng điểm cấp nhà nước.

Đổi mới phương thức đánh giá nhiệm vụ KH&CN. Sửa đổi các quy định về việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo hướng bảo đảm khách quan, minh bạch và tiếp cận với chuẩn mực quốc tế, gắn với kết quả đầu ra. Tăng cường kiểm tra, giám sát và thanh tra chuyên ngành việc thực hiện các chương trình, đề tài, dự án KH&CN sử dụng vốn ngân sách nhà nước trong quá trình thực hiện và sau nghiệm thu.

b) Huy động nguồn lực thực hiện hiệu quả các Chương trình sản phẩm quốc gia, Chương trình Đổi mới công nghệ quốc gia, Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao; Chương trình hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi; phấn đấu tạo ra các sản phẩm quốc gia, sản phẩm công nghệ cao có giá trị gia tăng lớn, mang thương hiệu Việt Nam, đủ sức cạnh tranh trong xuất khẩu và thay thế nhập khẩu.

Xây dựng bản đồ công nghệ quốc gia và ngành, lĩnh vực. Thực hiện lộ trình nâng cao năng lực công nghệ quốc gia. Hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa đổi mới công nghệ. Hỗ trợ phát triển hoạt động nhập khẩu công nghệ, khai thác, tìm kiếm, tư vấn xác định nhu cầu công nghệ trong doanh nghiệp.

c) Xây dựng cơ chế và tổ chức tìm kiếm, hỗ trợ các nhóm nghiên cứu trẻ có tiềm năng, nhóm nghiên cứu mạnh từ các trường đại học, viện nghiên cứu để hỗ trợ ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN, thương mại hoá và chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

d) Tăng cường ứng dụng nhanh KH&CN vào lĩnh vực nông nghiệp và công nghiệp nông thôn; thực hiện có hiệu quả Chương trình ứng dụng tiến bộ KH&CN đối với nông thôn - miền núi. Tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình phối hợp với các địa phương.

e) Đẩy mạnh công tác thống kê, thông tin, tuyên truyền về KH&CN. Tổ chức biên soạn niên giám thống kê KH&CN hàng năm. Tổ chức giải thưởng báo chí thường niên về KH&CN (bắt đầu từ năm 2012).

#### **4. Đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm; hình thành hệ thống doanh nghiệp KH&CN; phát triển thị trường công nghệ**

a) Tổ chức thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp KH&CN và tổ chức KH&CN công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Nghiên cứu đề xuất bổ sung các quy định ưu đãi đối với tổ chức KH&CN trong Luật Đất đai, Luật Quản lý và sử dụng tài sản nhà nước để bảo đảm tự chủ cho các tổ chức sau khi chuyển đổi mô hình hoạt động.

b) Thúc đẩy hoạt động đổi mới, ứng dụng công nghệ trong doanh nghiệp. Tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu đổi mới công nghệ và thành lập tổ chức KH&CN của doanh nghiệp. Khuyến khích hình thành và phát triển các tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong doanh nghiệp.

c) Tổ chức thực hiện Chương trình phát triển thị trường công nghệ. Nâng cao năng lực các tổ chức dịch vụ KH&CN trên cả nước, hình thành hệ thống các tổ

chức dịch vụ về sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, chuyển giao công nghệ, thông tin công nghệ (tư vấn, đánh giá, định giá, thẩm định, giám định, kiểm nghiệm, thử nghiệm, sản giao dịch công nghệ ...).

Hình thành các trung tâm giao dịch công nghệ tại các vùng kinh tế lớn, các sản giao dịch công nghệ thực và ảo tại các địa phương. Tổ chức Chợ Công nghệ và Thiết bị ở các quy mô khác nhau. Tăng cường hoạt động kết nối cung-cầu công nghệ.

## **5. Nâng cao hiệu quả hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng và hoạt động sở hữu trí tuệ**

a) Phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia hài hoà với tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực. Hoàn thành xây dựng hệ thống quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cho các nhóm sản phẩm hàng hóa có khả năng gây mất an toàn, vệ sinh và ô nhiễm môi trường. Tăng cường áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; triển khai hoạt động thanh tra, kiểm tra đo lường, chất lượng hàng hóa trong nước và xuất nhập khẩu, góp phần đẩy mạnh xuất khẩu, hạn chế nhập siêu. Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật cho hoạt động đo lường, thử nghiệm.

Xây dựng mạng lưới tổ chức đánh giá sự phù hợp quy chuẩn kỹ thuật, phù hợp tiêu chuẩn quốc gia đối với sản phẩm, hàng hóa chủ lực. Xây dựng mạng lưới tổ chức, cá nhân hoạt động chuyên nghiệp về năng suất và chất lượng. Tổ chức hoạt động tuyên truyền, xây dựng phong trào và hướng dẫn doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng.

Đẩy mạnh thực hiện quy định pháp luật trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng, Đề án triển khai thực hiện Hiệp định hàng rào kỹ thuật trong thương mại giai đoạn 2011-2015, Chương trình quốc gia thúc đẩy năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hoá của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020.

b) Tập trung công tác thực thi quyền sở hữu trí tuệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ. Triển khai các giải pháp nâng cao năng lực, hiệu quả của hệ thống bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ trên phạm vi toàn quốc.

Tổ chức triển khai và quản lý có hiệu quả Chương trình Hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn đến 2015, đặc biệt hỗ trợ mặt chuyên môn và pháp lý cho việc bảo vệ nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, xuất xứ hàng hóa của các doanh nghiệp, địa phương.

Đẩy mạnh công tác đào tạo, tuyên truyền, hỗ trợ, tư vấn, hướng dẫn, xây dựng, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ. Thúc đẩy việc khai thác tài nguyên sở hữu trí tuệ, nhất là sáng chế phục vụ sản xuất.

Duy trì và mở rộng các hoạt động hợp tác quốc tế song phương và đa phương, thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế về sở hữu trí tuệ. Chủ động tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế về sở hữu trí tuệ trong khuôn khổ WTO.

## **6. Chủ động hội nhập quốc tế về KH&CN**

a) Thực hiện Đề án hội nhập quốc tế về KH&CN, tăng cường hợp tác với các quốc gia phát triển về KH&CN, tổ chức các hoạt động nghiên cứu chung, đào

tạo cán bộ khoa học và cán bộ quản lý khoa học ở nước ngoài, chủ trì phối hợp tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế tại Việt Nam.

b) Hoàn thành triển khai mạng lưới đại diện KH&CN ở nước ngoài, tìm kiếm, nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến, nghiên cứu chiến lược, cơ chế chính sách về KH&CN của nước ngoài; huy động nguồn tài chính quốc tế cho hoạt động KH&CN thông qua Nghị định thư, huy động các nhà khoa học người Việt Nam ở nước ngoài, tổ chức KH&CN nước ngoài và người nước ngoài tham gia hoạt động KH&CN ở Việt Nam; giới thiệu, quảng bá nhu cầu công nghệ của doanh nghiệp Việt Nam ở nước ngoài.

c) Triển khai hiệu quả Dự án Đối tác đổi mới sáng tạo IPP Việt Nam - Phần Lan, Đan Mạch, Ngân hàng thế giới. Quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn tài trợ ODA của Nhật Bản tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc.

## **7. Tích cực chuẩn bị hạ tầng kỹ thuật và nhân lực cho phát triển điện hạt nhân; đẩy mạnh quản lý về năng lượng nguyên tử và an toàn bức xạ, hạt nhân**

a) Tập trung đẩy mạnh triển khai Quy hoạch tổng thể thực hiện Chiến lược ứng dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hoà bình đến năm 2020. Tập trung chuẩn bị vật chất - kỹ thuật; hoàn thiện hành lang pháp lý; đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ thuật và quản lý trình độ cao phục vụ phát triển điện hạt nhân; tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cộng đồng về an toàn, an ninh hạt nhân.

b) Tăng cường các hoạt động quản lý nhà nước về an toàn, an ninh, kiểm soát nguồn phóng xạ và hạt nhân. Kiện toàn tổ chức cơ quan quản lý về năng lượng nguyên tử, an toàn, bức xạ hạt nhân. Hoàn thành thủ tục đàm phán để ký kết và tham gia các điều ước quốc tế song phương và đa phương quan trọng trong lĩnh vực này.

c) Tăng cường tiềm lực, đẩy mạnh hoạt động cho nghiên cứu, ứng dụng bức xạ; năng lượng nguyên tử trong các ngành nông nghiệp, công nghiệp, y tế,... phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Khởi động Dự án xây dựng Trung tâm nghiên cứu KH&CN hạt nhân.

## **8. Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính; nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước; tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng**

a) Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính; triển khai thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2011-2020, trong đó chú trọng công tác rà soát, kiểm soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phối hợp của các cơ quan hành chính nhà nước thuộc Bộ và các Sở Khoa học và Công nghệ, các Vụ quản lý chuyên ngành thuộc các Bộ.

b) Kiện toàn tổ chức, nhân sự các đơn vị thuộc Bộ trên cơ sở phù hợp với chức năng, nhiệm vụ theo quy định Nghị định của Chính phủ quy định cơ cấu chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Bộ Khoa học và Công nghệ. Tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức chuyên nghiệp; nâng cao chất lượng, năng lực đội ngũ công chức, nhất là đội ngũ công chức trực tiếp tham gia xây dựng, hoạch định chính

sách, công chức lãnh đạo; xây dựng cơ cấu công chức gắn với vị trí việc làm; thực hiện mạnh mẽ chế độ chức nghiệp việc làm. Tiếp tục đổi mới chính sách đãi ngộ, động viên, khuyến khích cán bộ, công chức.

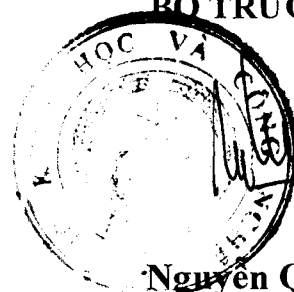
c) Thực hiện kiên quyết và đồng bộ các giải pháp phòng, chống tham nhũng; tăng cường biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, đẩy lùi hành vi tham nhũng. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra để phát hiện, chấn chỉnh, xử lý kịp thời các thiếu sót, vi phạm trong hoạt động quản lý nhà nước và việc chấp hành chính sách, pháp luật của các tổ chức, cá nhân; giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các vụ việc khiếu nại, tố cáo và những bức xúc của nhân dân.

## II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở những nội dung, nhiệm vụ chủ yếu trong Chương trình hành động này, căn cứ chức năng, nhiệm vụ đã được phân công, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thực hiện và cụ thể hoá thành các mục tiêu, nhiệm vụ trong kế hoạch công tác hàng năm của đơn vị; tổ chức kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện các nội dung liên quan của Chương trình hành động.

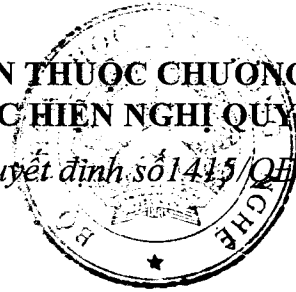
2. Định kỳ 6 tháng và hàng năm các đơn vị tổ chức đánh giá kết quả thực hiện Chương trình, trong đó nêu rõ kết quả xây dựng các đề án được giao chủ trì (nếu có) và chuẩn bị Báo cáo (cùng với báo cáo định kỳ về Kiểm điểm công tác chỉ đạo điều hành của đơn vị hoặc Báo cáo sơ kết 6 tháng, báo cáo tổng kết năm) gửi Văn phòng Bộ và Vụ Pháp chế trước ngày 30/5 và 30/11 để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

3. Văn phòng Bộ chủ trì, phối hợp với Vụ Pháp chế theo dõi, đôn đốc triển khai thực hiện Chương trình hành động. Trong quá trình tổ chức thực hiện, chủ động báo cáo, kiến nghị với Bộ trưởng về các biện pháp cần thiết nhằm bảo đảm Chương trình hành động này được thực hiện hiệu quả, đồng bộ. *Ho*

BỘ TRƯỞNG  
  
Nguyễn Quân



**Phụ lục**  
**DANH MỤC ĐỀ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  
**THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 06/NQ - CP NGÀY 07/3/2012 CỦA CHÍNH PHỦ**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1415/QĐ-BKHCN ngày 22/6/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*



*Xếp theo thời gian trình*

TT	Đề án	Cơ quan thực hiện		Cấp trình	Thời gian trình <sup>1</sup>	Ghi chú
		Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp			
1.	Luật Đo lường.	Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.	Vụ Pháp chế.	Quốc hội	2011	Đã được thông qua tháng 11/2011.
2.	Chiến lược phát triển KH&CN giai đoạn 2011-2020.	Viện Chiến lược và chính sách KH&CN.	Các đơn vị trong Bộ.	TTgCP	2012	Đã được thông qua tháng 4/2012.
3.	Đề án Đổi mới cơ bản, toàn diện và đồng bộ tổ chức, cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động KH&CN.	Vụ Kế hoạch - Tài chính.	Các Vụ chuyên ngành, Văn phòng Chương trình KH&CN cấp Nhà nước, Văn phòng Bộ.	TTgCP	2012	Chuẩn bị được thông qua.
4.	Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường.	Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.	Vụ Pháp chế.	Chính phủ	2012	
5.	Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.	Thanh tra Bộ.	Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.	Chính phủ	2012	
6.	Đề án phát triển KH&CN trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.	Vụ Khoa học xã hội và tự nhiên.	Các đơn vị trong Bộ.	TTgCP Bộ Chính trị	2012	
7.	Chương trình Phát triển thị trường KH&CN đến năm 2020.	Viện Chiến lược và chính sách KH&CN.	Vụ Pháp chế.	TTgCP	2012	
8.	Đề án thông tin, tuyên truyền về phát triển điện	Cục Năng lượng	Cục An toàn bức xạ hạt	TTgCP	2012	

<sup>1</sup> Thời gian thực hiện một số đề án có sự điều chỉnh so với Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 07/3/2012 của Chính phủ để đảm bảo tính khả thi.



TT	Đề án	Cơ quan thực hiện		Cấp trình	Thời gian trình <sup>1</sup>	Ghi chú
		Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp			
	hạt nhân ở Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020.	nguyên tử.	nhân, Viện năng lượng nguyên tử Việt Nam.			
9.	Đề án phát triển đội ngũ trí thức đến năm 2020 phục vụ đẩy mạnh CNH, HĐH và hội nhập quốc tế.	Vụ Khoa học xã hội và tự nhiên.	Vụ Tổ chức cán bộ.	TTgCP	2012	
10.	Luật Khoa học và Công nghệ (sửa đổi).	Vụ Pháp chế.	Các đơn vị trong Bộ.	Chính phủ Quốc hội	2012 2013	
11.	Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Khoa học và Công nghệ (sửa đổi).	Vụ Pháp chế.	Các đơn vị trong Bộ.	Chính phủ	2013	
12.	Đề án cơ chế, chính sách thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng và bảo đảm an toàn, an ninh trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.	Cục Năng lượng nguyên tử.	Cục An toàn bức xạ hạt nhân; Viện năng lượng nguyên tử Việt Nam.	TTgCP	2013	
13.	Đề án hiện đại hóa công tác thông tin, thư viện, thống kê KH&CN.	Cục Thông tin KH&CN quốc gia	Văn phòng Bộ, Vụ Kế hoạch - Tài chính.	TTgCP	2013	
14.	Đề án đầu tư xây dựng một số viện nghiên cứu trọng điểm đầu ngành và một số trường đại học nghiên cứu đạt trình độ khu vực và quốc tế.	Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Khoa học xã hội và tự nhiên.	Viện Chiến lược và Chính sách KH&CN; các Vụ chuyên ngành, Vụ Hợp tác quốc tế.	TTgCP	2013 -2014	
15.	Đề án xây dựng quy hoạch phát triển hệ thống chuẩn đo lường quốc gia của các lĩnh vực đo đến năm 2020.	Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.	Các đơn vị trong Bộ.	TTgCP	2013 - 2014	
16.	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử.	Cục An toàn bức xạ hạt nhân.	Cục Năng lượng nguyên tử và Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam.	Chính phủ Quốc hội	2013 2014	
17.	Nghị định hướng dẫn thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử.	Cục An toàn bức xạ hạt nhân.	Cục Năng lượng nguyên tử, Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam.	Quốc hội	2014	

TT	Đề án	Cơ quan thực hiện		Cấp trình	Thời gian trình <sup>1</sup>	Ghi chú
		Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp			
18.	Đề án xây dựng các trung tâm nghiên cứu và đổi mới sáng tạo quốc gia, trung tâm ươm tạo công nghệ và doanh nghiệp công nghệ cao tại các khu công nghệ cao <sup>2</sup> .	Vụ Công nghệ cao, Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp KH&CN, Vụ Hợp tác Quốc tế.	Viện Chiến lược và Chính sách KH&CN, các Vụ chuyên ngành.	TTgCP	2014	
19.	Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.	Vụ Đánh giá, Thẩm định và Giám định công nghệ.	Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ, Vụ KH&CN các ngành KT-KT, Viện Đánh giá khoa học và Định giá công nghệ.	Chính phủ Quốc hội	2014 2015	
20.	Nghị định hướng dẫn thi hành Luật sửa đổi, bổ sung Luật Chuyển giao công nghệ.	Vụ Đánh giá, Thẩm định và Giám định công nghệ.	Vụ Pháp chế.	Chính phủ	2015	
21.	Hoàn thiện khung pháp lý về bảo đảm an toàn bức xạ hạt nhân phục vụ triển khai dự án điện hạt nhân.	Cục An toàn bức xạ hạt nhân, Cục Năng lượng nguyên tử, Viện năng lượng nguyên tử Việt Nam.	Vụ Hợp tác quốc tế, các Vụ chuyên ngành.	Chính phủ TTgCP	2011-2015	
22.	Các đề án thuộc Chương trình xây dựng văn bản QPPL của Bộ KH&CN.	Các đơn vị trong Bộ.	Các đơn vị trong Bộ.	Theo chương trình được phê duyệt.	Thực hiện hàng năm	

<sup>2</sup> Có thể thay đổi tên đề án tại được nêu tại nhiệm vụ số 157 trong Phụ lục của Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 07/3/2012 của Chính phủ. Bộ Khoa học và Công nghệ đang nghiên cứu để tách thành 2 đề án.

